

Bản tin thị trường

06.02.2023

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

PLX, TLG

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường bất ngờ tăng mạnh cuối phiên

Thị trường giao dịch khá thận trọng vào phiên đầu tuần và thậm chí còn bị đè khá mạnh vào phiên sáng khi chỉ số Vnindex có thời điểm rơi gần 10 điểm. Giao dịch chậm và thiếu động lực chung ở hầu hết các nhóm ngành và gần như chỉ có vài cổ phiếu trụ từ VN30 giữ nhịp thị trường. Bất ngờ diễn ra ở cuối phiên khi chỉ số Vnindex đảo chiều tăng hơn 12 điểm, trong đó có sự đóng góp lớn từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Nhiều cổ phiếu phiên sáng còn giảm khá sâu nhưng cuối phiên lại tăng mạnh như CTG, OCB, PLX, REE, TCB, NVL, GMD...

Sự hồi phục khá sớm của thị trường là tín hiệu lạc quan cho thấy dòng tiền đang vận động tốt và tham gia thị trường nhiều hơn. Thị trường sẽ có những đoạn dao động dzich dzac tạo các đợt sóng nhỏ. Nhà đầu tư có thể gia tăng dần margin và lướt theo các đợt sóng ngắn của thị trường. Dòng tiền sẽ luân phiên từ các nhóm ngân hàng, chứng khoán sang các nhóm thép, phân bón, xây dựng, bán lẻ, dầu khí ...

Thị trường có thể tiếp tục phân hóa và duy trì dao động hẹp chờ các tin tức mới hỗ trợ. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải và chỉ giải ngân ở các nhịp điều chỉnh.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex gần như không biến động nhiều cho đến thời gian giao dịch cuối bất ngờ tăng tốc và tăng mạnh đến 12 điểm đưa chỉ số vượt lên sát 1090. Thanh khoản trong ngày ở mức khá thấp, chỉ khoảng 7200 tỷ trên sàn HOSE. Đường chỉ số index đang phản hồi tốt sau khi chạm vào ngưỡng EMA 20 ngắn hạn và có phiên hồi mang tính kỹ thuật sau 3 phiên bị đè nén liên tục. Tuy nhiên thị trường khó giữ nhịp tăng liên tục khi thanh khoản thị trường thấp và chỉ được kéo trong thời gian ngắn cuối giờ giao dịch. Thị trường có thể hướng trở lại mốc 1100 tuy nhiên áp lực bán sẽ gia tăng trong vài phiên tới.

Nhóm ngành ngân hàng vẫn giữ vai trò quan trọng làm lực đỡ ở nhóm VCB, BID và lưu ý thêm nhóm cổ phiếu MBB, STB, VIB, OCB. Nhóm đầu tư công, xây dựng có thể chờ các nhịp điều chỉnh tích lũy như LCG, VCG.

Tin Doanh Nghiệp

Thiên Long lần đầu báo lỗ sau 11 quý



Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2022, CTCP Tập đoàn Thiên Long (Mã: TLG) lỗ sau thuế gần 3 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lãi 97 tỷ đồng.

Trong quý, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 740 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, biên lãi gộp của Thiên Long thu hẹp xuống 40% từ mức 44% của cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, chi phí tài chính tăng lên 19 tỷ đồng, gấp 2,5 lần cùng kỳ chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện.

Lý giải nguyên nhân sụt giảm, Thiên Long cho biết doanh thu quý IV/2022 giảm do thị trường quốc tế gặp nhiều khó khăn, tỷ giá nội tệ của các nước biến động mạnh so với USD nên việc nhập hàng có phần chững lại.

Trong khi đó quý IV/2021 là giai đoạn bùng nổ về doanh thu do thị trường trong nước dẫn xuất khẩu mở cửa trở lại sau COVID-19. Về chi phí trong quý IV, công ty phải đầu tư gia tăng hình ảnh thương hiệu lẫn sức cạnh tranh trong nước. Ngoài ra còn tăng cường chương trình hỗ trợ bán hàng các điểm bán trong và ngoài nước. Điều này khiến công ty thua lỗ.

Mặc dù quý IV ghi nhận lỗ song lũy kế cả năm 2022, Thiên Long thu về 3.521 tỷ đồng doanh thu và lãi sau thuế gần 401 tỷ đồng, tăng lần lượt 32% và 45% so với năm 2021. Đây cũng là kết quả cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty.

Với kết quả này, công ty đã vượt 8% chỉ tiêu doanh thu và vượt 43% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Tính đến cuối năm 2022, tổng tài sản của Thiên Long trên 2.869 tỷ đồng, tăng 17% so với đầu năm. Trong đó hàng tồn kho chiếm gần 1/3 tài sản, đạt 914 tỷ đồng. Tổng tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng của công ty ở mức 765 tỷ đồng, không thay đổi nhiều so với đầu năm.

Petrolimex sắp thoái vốn tại PG Bank với giá tối thiểu có thể từ 21.300 đồng/cp

Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex – Mã: PLX) vừa thông qua nghị quyết chuyển nhượng vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank – Mã: PGB) theo hình thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE).

Mức giá khởi điểm thực hiện thoái vốn sẽ lấy giá cao nhất một trong hai mức giá. Một là giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá theo phương pháp tài sản (21.300 đồng/cổ phần) hoặc giá tham chiếu bình quân 30 phiên giao dịch liên tiếp của cổ phiếu PGB trên UPCoM trước ngày phê duyệt phương án thoái vốn.

Tạm tính theo mức giá 21.300 đồng/cp, quy mô thoái vốn của Petrolimex tại PGB đạt tối thiểu 2.556 tỷ đồng. Trong phiên 3/2, cổ phiếu PGB đã bất ngờ tăng kịch trần lên 19.500 đồng/cp, tăng gần 48% từ mức đáy giữa tháng 11 năm ngoái.

Theo báo cáo quý IV/2022, Petrolimex đang nắm giữ 40,57% vốn của PG Bank, tương ứng giá trị đầu tư là 1.834 tỷ đồng. Nếu thương vụ diễn ra thành công, Petrolimex có thể lãi 722 tỷ đồng.

Liên quan đến kết quả kinh doanh của PG Bank, năm 2022, lợi nhuận trước thuế đạt 506 tỷ, tăng 54% so với năm ngoái và vượt 24% kế hoạch năm (406 tỷ đồng). Thu nhập lãi thuần vẫn là nguồn đóng góp chính với hơn 1.200 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2021.

Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của PG Bank đạt hơn gần 49.000 tỷ đồng, tăng 20,9% so với cuối năm 2021. Tổng huy động của ngân hàng đạt trên 31.200 tỷ đồng, tăng 11,3%. Dư nợ tín dụng tăng 5,6% so với cuối năm ngoái.

Trong năm, nợ xấu nội bảng của ngân hàng tăng 7,3% lên 745 tỷ đồng đưa tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay của ngân hàng tăng từ 2,52% lên 2,56%. Cuối năm 2022, trái phiếu đặc biệt của VAMC tại PG Bank là hơn 951 tỷ đồng, tăng 34% so với thời điểm 31/12/2021.

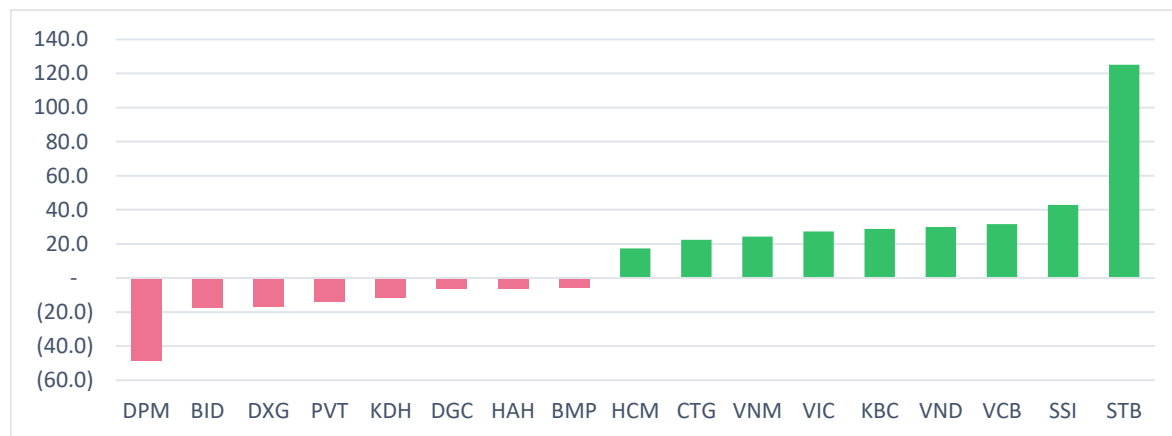


Tổng hợp kết quả kinh doanh 2022

b	c	d	e	f	g	h	j	k
VIB	Ngân hàng	HOSE	2,216.92	(0.7)	3.7	8,468.8	4,483	5.1
TPB	Ngân hàng	HOSE	1,519.33	(11.2)	15.5	6,260.8	3,959	6.1
FPT	Công nghệ Thông tin	HOSE	1,351.60	(7.0)	3.8	5,295.0	5,241	16.0
DGC	Hóa chất	HOSE	1,032.40	(27.0)	(20.8)	5,567.8	19,356	3.1
LPB	Ngân hàng	HOSE	667.90	(32.3)	3.6	4,510.3	3,223	4.6
NLG	Bất động sản	HOSE	437.08	5,428.1	20.9	556.3	1,452	19.7
PHR	Bất động sản KCN	HOSE	418.80	244.5	76.9	886.9	6,538	6.7
EIB	Ngân hàng	HOSE	403.59	(60.6)	111.1	2,945.8	2,396	11.3
DPR	Cao su	HOSE	292.08	325.1	(5.6)	239.6	10,819	5.3
BAB	Ngân hàng	HNX	286.58	25.6	74.0	859.5	1,121	12.2
BMP	Vật liệu xây dựng	HOSE	248.43	41.8	117.1	696.3	8,505	7.5
VIP	Vận tải - Logistics	HOSE	243.79	502.2	3,880.8	245.7	3,593	2.6
DHG	Y tế	HOSE	236.20	(10.0)	38.5	988.5	7,560	11.8
PVS	Dầu khí	HNX	222.57	15.8	163.5	620.4	1,346	18.6
RAL	Hàng cá nhân & Gia dụng	HOSE	209.51	254.3	26.2	486.4	25,361	3.4
NVB	Ngân hàng	HNX	180.96	-	-	0.0	-	-
HDC	Bất động sản	HOSE	171.98	138.8	72.8	419.5	4,288	7.4
SCS	Du lịch và Giải trí	HOSE	157.32	(2.2)	(1.1)	646.1	9,795	7.5
PGD	Dầu khí	HOSE	153.80	52.4	116.3	412.7	4,586	6.5
BIC	Bảo hiểm	HOSE	137.18	141.2	31.3	314.5	2,682	10.1
VPI	Bất động sản	HOSE	133.71	63.2	(46.5)	490.9	2,226	23.8
CTR	Xây dựng	HOSE	123.96	(3.3)	(5.0)	444.3	4,262	13.8
EVF	Dịch vụ tài chính	HOSE	123.10	56.5	33.1	365.8	1,105	7.6
KDH	Bất động sản	HOSE	118.86	(66.2)	(71.3)	1,102.2	1,627	17.0
VCF	Thực phẩm và đồ uống	HOSE	107.30	43.4	(46.2)	319.1	14,017	15.8
ANV	Thủy sản	HOSE	106.53	(11.2)	99.1	673.7	5,300	5.9
DPG	Xây dựng	HOSE	105.90	14.7	(0.4)	393.1	6,480	5.5
SBA	Điện	HOSE	99.75	85.2	53.6	244.5	4,056	5.9
MDC	Khoáng sản	HNX	92.53	1,657.1	455.7	109.5	5,098	1.6
S4A	Điện	HOSE	92.27	230.9	22.5	173.5	4,112	8.4
DRC	Ô tô và phụ tùng	HOSE	81.89	6.2	(6.3)	308.5	2,598	8.6
IMP	Y tế	HOSE	78.96	41.5	18.6	234.0	3,509	16.4
FMC	Thủy sản	HOSE	78.20	1.7	(25.3)	307.5	4,738	7.7
TBC	Điện	HOSE	76.69	(18.8)	223.9	323.9	5,101	6.0
CDN	Vận tải - Logistics	HNX	74.22	12.6	30.7	271.3	2,743	10.1
TDM	Nước	HOSE	73.92	35.9	(45.9)	220.4	2,204	17.1
DMC	Y tế	HOSE	70.98	44.4	30.7	200.1	5,761	7.8
NTP	Vật liệu xây dựng	HNX	69.24	(17.4)	(41.1)	479.5	3,897	8.6
PPC	Điện	HOSE	68.98	(55.5)	7.8	372.7	1,183	12.0
BMI	Bảo hiểm	HOSE	68.90	(17.7)	10.9	292.6	2,669	9.2
NCT	Vận tải - Logistics	HOSE	67.04	18.8	21.1	237.2	9,065	9.5
VFG	Hóa chất	HOSE	65.72	10.0	34.5	229.0	6,641	6.0
SLS	Thực phẩm và đồ uống	HNX	62.29	8.5	(18.1)	187.6	19,163	6.5
HT1	Xây dựng	HOSE	57.65	58.4	8.1	261.4	668	19.9
VNS	Du lịch và Giải trí	HOSE	55.31	(7.6)	-	183.8	2,708	6.7
VTO	Vận tải - Logistics	HOSE	55.01	130.9	(39.0)	71.1	1,044	7.7
SEB	Điện	HNX	54.04	93.3	(3.8)	187.8	5,868	8.4



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	24.9	5,995,200	5.5	1.5	5,000,000	5,000,000	4,560	16,502
BID	HOSE	45.0	2,040,300	13.2	2.3	126,000	508,800	3,397	19,951
CTG	HOSE	29.9	5,961,800	9.2	1.4	858,500	107,100	3,240	22,080
EIB	HOSE	25.8	400,100	11.6	1.6	-	1,900	2,223	16,368
HDB	HOSE	18.5	1,779,000	4.9	1.0	1,145,460	303,830	3,748	18,469
LPB	HOSE	13.9	6,317,800	4.0	0.9	4,500	28,500	3,454	15,554
MBB	HOSE	18.7	9,550,900	4.1	1.1	1,200	170	4,575	16,742
MSB	HOSE	12.9	3,089,500	4.2	0.8	240,400	13,300	3,042	16,888
OCB	HOSE	19.4	2,454,900	7.6	1.1	101,700	5,400	2,568	17,433
SHB	HOSE	10.5	14,782,600	3.2	0.7	282,260	159,820	3,264	15,859
SSB	HOSE	31.9	1,439,300	13.7	2.6	-	12,800	2,318	12,429
STB	HOSE	25.7	13,785,600	11.7	1.3	5,242,600	371,100	2,200	19,595
TCB	HOSE	28.0	4,810,300	4.6	0.9	-	-	6,036	31,246
TPB	HOSE	24.1	2,456,300	5.9	1.2	50,000	90,000	4,084	19,369
VCB	HOSE	96.0	904,300	16.2	3.5	717,710	388,620	5,936	27,129
VIB	HOSE	23.7	1,822,400	4.9	1.6	-	-	4,805	14,460
VPB	HOSE	18.5	12,627,600	4.4	0.8	-	-	4,196	22,873
BAB	HNX	13.9	7,700	14.0	1.2	-	-	994	11,730
NVB	HNX	19.6	45,500	-	2.0	-	100	(710)	10,027
VBB	UPCOM	10.3	18,400	8.0	0.8	-	-	1,295	12,860
VAB	UPCOM	7.9	136,700	4.5	0.6	-	500	1,766	12,999
SGB	UPCOM	12.9	36,500	-	1.0	-	-	489	12,713
PGB	UPCOM	19.4	12,000	16.4	1.3	-	-	1,185	14,969
NAB	UPCOM	10.3	267,000	-	-	-	-	3,026	18,823
KLB	UPCOM	11.8	5,500	8.2	0.8	-	-	1,443	13,926
BVB	UPCOM	10.4	619,400	13.7	0.8	-	-	758	13,457
ABB	UPCOM	8.4	2,119,300	4.0	0.6	-	-	2,081	13,358
			93,485,900	8.24	1.28	13,770,330	6,991,940	2,814	16,956



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ITD	HOSE	13/02/2023	14/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	DNT	UPCoM	09/02/2023	10/02/2023	01/03/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SFI	HOSE	08/02/2023	09/02/2023	08/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SBD	UPCoM	07/02/2023	08/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:59	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	VFG	HOSE	07/02/2023	08/02/2023	22/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MH3	UPCoM	07/02/2023	08/02/2023	28/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	TDM	HOSE	06/02/2023	07/02/2023	05/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	IJC	HOSE	03/02/2023	06/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:16	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	USD	UPCoM	01/02/2023	02/02/2023	15/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 960 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CSV	HOSE	31/01/2023	01/02/2023	13/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BST	HNX	31/01/2023	01/02/2023	16/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DXP	HNX	31/01/2023	01/02/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	LBE	HNX	30/01/2023	31/01/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 11:9	Thưởng cổ phiếu
14	PMJ	UPCoM	30/01/2023	31/01/2023	17/02/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DBT	HOSE	30/01/2023	31/01/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	PET	HOSE	18/01/2023	19/01/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	PAC	HOSE	18/01/2023	19/01/2023	14/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TMS	HOSE	18/01/2023	19/01/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu
19	TLH	HOSE	18/01/2023	19/01/2023	10/02/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BFC	HOSE	17/01/2023	18/01/2023	10/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HCM	HOSE	17/01/2023	18/01/2023	08/02/2023	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	HCM	HOSE	17/01/2023	18/01/2023	08/02/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	HVT	HNX	17/01/2023	18/01/2023	14/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	L18	HNX	13/01/2023	16/01/2023	20/02/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DDV	UPCoM	13/01/2023	16/01/2023	10/02/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VRG	UPCoM	12/01/2023	13/01/2023	19/01/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PCC	UPCoM	12/01/2023	13/01/2023	07/02/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VWS	UPCoM	12/01/2023	13/01/2023	19/01/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931